TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên toà:

Ngày 04/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2024/TL-TLST ngày 06/11/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: chị Hoàng Thị D, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài.

+Đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn chị Hoàng Thị D là bà Vy Thị D1; sinh năm: 1952
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** anh Nguyễn Thành T; sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 02/10/2024 nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày (có xác nhận của Đ tại Hàn Quốc):

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T kết hôn với nhau ngày 18/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh T chung sống, khoảng năm 2012 thì chị đi nước ngoài lao động để phát triển kinh tế gia đình, thỉnh thoảng có về phép thăm gia đình. Trong thời gian chị ở nước ngoài thì ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng ít liên lạc dần, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau nhiều, vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn D2, sinh ngày 26/10/2002 . Nay cháu D2 đã trưởng thành ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang lao động tại Hàn Quốc nên chị không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Thành T .

Chị cũng ủy quyền cho bà Vy Thị D1, sinh năm 1952; trú tại: thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến Tòa án nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2024 bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị D được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L vào ngày 18/11/2002. Sau khi kết hôn chị D về gia đình anh chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế gia đình nên đến năm 2012 thì chị D đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thỉnh thoảng có về thăm

gia đình. Quá trình sinh sống ở nước ngoài thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sau đó do khoảng cách xa xôi về địa lý khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đã nhiều lần hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng đều không có kết quả. Đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay chị Hoàng Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị Diệu .

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn D2, sinh ngày 26/10/2002. Hiện nay cháu D2 đã trưởng thành nên ly hôn anh không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị D và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị D và anh.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Nguyễn Thành T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị D; bản tự khai của anh T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Do vụ án các đương sự đều có lời khai rõ ràng, Tòa án không thu thập tài liệu chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Thành T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị D là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Hàn Quốc có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thành T, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Thành T kết hôn ngày 18/11/2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị D về gia đình anh T sinh sống, ở chung cùng gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 chị D đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay. Thời gian đầu khi chị D mới sang nước ngoài thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc và quan tâm đến nhau, sau một thời gian do xa cách về khoảng cách địa lý nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng trở lên nhạt dần, hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D với anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung Nguyễn Tuấn D2, sinh ngày 26/10/2002. Hiện nay cháu D2 đã trưởng thành nên ly hôn chị D không đề Tòa án giải quyết về con chung.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị D và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ

Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000164 ngày 06/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị D đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội
-Cổng thông tin điện tử TATC.
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Chung